

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 24/01/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán:
ông Lê Thanh Hoàng;
ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15/01/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2021/QĐ-PT ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1986; nơi cư trú: số 183/13, ấp TQ, xã TM, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị Mỹ D: Luật sư Lê Văn P – Văn phòng luật sư Lê Văn P, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 64 ĐBP, phường ML, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp TQ, xã TM, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

Người kháng cáo: ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính, chồng không phụ giúp lo cho vợ con, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 08/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn bà D xin ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc K, sinh ngày 13/12/2017 hiện đang chung sống với bà D. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt tại cấp sơ thẩm nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ D được ly hôn ông Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151/2019 do Ủy ban nhân dân xã TM, huyện M, tỉnh An Giang cấp ngày 10/10/2019 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: bà Bùi Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Ngọc K, sinh ngày 13/12/2017, hiện đang sống chung với bà Bùi Thị Mỹ D.

Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận bà Bùi Thị Mỹ D xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Bùi Thị Mỹ D và ông Phạm Văn T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/4/2021 ông Phạm Văn T kháng cáo và sửa chữa, bổ sung đơn kháng cáo ngày 04/6/2021, nội dung ông T yêu cầu được hàn gắn lại quan hệ hôn nhân và xem xét cho ông được quyền làm cha đứa con mới sinh sau khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn với bà D vì ông vẫn còn tình cảm với bà D. Ông thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống có đánh bài, nhưng mục đích chỉ là giải trí với bạn bè. Hiện nay bà D đã sinh con thứ hai là con của ông nên yêu cầu được đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung. Ngoài ra giấy khai sinh của cháu M chỉ ghi tên người mẹ nên ông yêu cầu Tòa án xem xét.

Bà D: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông T, năm 2018 bà đã có xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện M, nhưng do chưa đăng ký kết hôn nên bà rút đơn, bà không còn tình cảm với ông T nên không đồng ý đoàn tụ. Bà xác định con thứ hai tên Bùi Ngô Nhựt M, sinh ngày 12/3/2021 là con chung của bà và ông T, bà yêu cầu được nuôi con chung.

Tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D phát biểu quan điểm: hôn nhân của ông T, bà D là tự nguyện, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2018 bà D đã có một lần xin ly hôn với ông T tại Tòa án huyện M, nhưng sau đó rút đơn vì không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D đã xin ly hôn lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay bà D cương quyết xin ly hôn, nếu đoàn tụ vợ chồng cũng không hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà D, ông T không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: ông T kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Bà D và ông T chung sống từ năm 2017, đến năm 2019 đăng ký kết hôn, chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D là do ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà D đã hàn gắn và có thêm con thứ hai nhưng ông T không thay đổi. Cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T đúng luật định, nhưng ông T không có ý kiến, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ. Ông T kháng

cáo yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà D kiên quyết ly hôn, nên không có cơ sở xem xét.

Về việc ông T kháng cáo yêu cầu công nhận ông là cha của cháu Bùi Ngô Nhựt M, sinh ngày 12/3/2021. Bà D chỉ khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi dưỡng cháu K, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà D. Khi cấp sơ thẩm xét xử cháu M chưa được sinh ra, cấp sơ thẩm chưa giải quyết, ông T kháng cáo yêu cầu công nhận ông là cha cháu M là vượt quá phạm vi khởi kiện của bà D. Do đó, yêu cầu này của ông T không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm và thủ tục kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của cấp sơ thẩm, nhưng do không đồng ý ly hôn với bà D nên ông không tham gia tố tụng. Sau khi nhận được bản án sơ thẩm ông T kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T:

- Về hôn nhân: ông T và bà D chung sống từ năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện M ngày 10/10/2019, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc bà tự chăm sóc con chung, ngoài ra ông T còn bài bạc, tình cảm của bà đối với ông T không còn nên cương quyết ly hôn. Riêng ông T cho rằng bản thân có chăm lo cho vợ con, ông còn tình cảm với bà D, nay bà D đã sinh con thứ hai là con chung của ông và bà D nên xin đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung.

Xét thấy, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tình cảm, vợ và chồng phải có trách nhiệm thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, chăm lo cho con chung để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên tòa ông T thừa nhận từ khi sinh cháu Phạm Thị Ngọc K đến nay ông chỉ phụ giúp cho bà D 1.500.000đ để nuôi con và có bài bạc bên ngoài, từ đó cho thấy ông T chưa làm tròn bổn phận của người chồng, người cha. Khi bà D khởi kiện ly hôn ông T bỏ mặc không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà D không còn tình cảm với ông T, cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ, nên hôn nhân của ông bà có kéo dài cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cấp sơ thẩm cho bà D ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: ông T, bà D có một con chung tên Phạm Thị Ngọc K, sinh ngày 13/12/2017, hiện cháu K do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cấp sơ thẩm giao cháu K cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/3/2021

bà D sinh cháu Bùi Ngô Nhựt M, tại phiên tòa phúc thẩm cả bà D và ông T đều khẳng định cháu M là con chung của ông bà, vì vậy ghi nhận cháu M là con chung của ông T, bà D. Hiện nay cháu M do bà D trực tiếp nuôi dưỡng và cháu M chỉ mới hơn 10 tháng tuổi, do đó để đảm bảo quyền lợi của cháu M, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ con chung, giao cháu M cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với Giấy khai sinh của cháu M chỉ có ghi tên người mẹ là bà D, phần người cha thì bỏ trống, đây là thủ tục hành chính, ông T yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại giấy khai sinh ghi thêm tên ông T là không có cơ sở, nên không xem xét yêu cầu này của ông T.

[3] Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm về phần con chung nên ông T không phải chịu, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang về quan hệ con chung.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ D được ly hôn ông Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151/2019 do Ủy ban nhân dân xã TM, huyện M, tỉnh An Giang cấp ngày 10/10/2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Bùi Thị Mỹ D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Phạm Thị Ngọc K, sinh ngày 13/12/2017 và Bùi Ngô Nhựt M sinh ngày 12/3/2021, hiện đang sống chung với bà Bùi Thị Mỹ D.

Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thị Mỹ D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Phạm Văn T không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009731 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M (đã nộp xong).

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện M (1);
- Chi cục THADS huyện M (1);
- Tòa GD & NCTN (1);
- Văn phòng Tòa án tỉnh (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh (1);
- Đường sự (2);
- Người bảo vệ QVLIHP (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng